

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thông qua quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Thực hiện Công văn số 14/HĐND-VP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND); cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Phụ lục.1 ban hành kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

a) Tại số thứ tự 19 - Đường Hùng Vương (trang 02/102): Bỏ Hẻm số 121 tại dòng 01 (giá đất là 2,2 triệu đồng/m²).

b) Tại số thứ tự 24 - Đường Lê Hồng Phong (trang 4/102): Sửa đổi các hẻm đầu nối với đường Lê Hồng Phong như sau:

Tên hẻm	Vị trí	Đoạn hẻm	Giá đất (triệu đồng/m ²)
Hẻm 33	1	Suốt hẻm	2
Hẻm 12, 44	1	Suốt hẻm	1,5
Hẻm 145, 167, 183, 282, 354, 357, 495, 507, 575	1	Suốt hẻm	1,6
Hẻm 318	1	Suốt hẻm	1,2
Hẻm 462, 585	1	Suốt hẻm	0,95
Hẻm 639, 673, 719	1	Suốt hẻm	0,76

c) Tại số thứ tự 45 - Đường Vành Đai II (trang 8/102): Bổ sung giá đất Hẻm 258 như sau:

Tên hẻm	Vị trí	Đoạn hẻm	Giá đất (triệu đồng/m ²)
Hẻm 258	1	Suốt hẻm	0,18

d) Tại số thứ tự 97 - Đường Tôn Đức Thắng (trang 14/102): Sửa đổi Hẻm 81 (P6) thành Hẻm 49.

đ) Tại số thứ tự 120 - Dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A (trang 17/102): Bổ sung giá đất tại các đường 9A, 9B, 14, 16, 20, 21, 22 và 23 là 1,3 triệu đồng/m².

e) Tại số thứ tự 4 thuộc Mục IX (xã Đại Hải, huyện Kế Sách) - Đường tỉnh 932B (trang 35/102): Sửa đổi “Vị trí KV1-VT2 từ giáp ranh đất ông Hai Đục đến Công Vũ Đảo” thành “Vị trí KV1-VT2 từ Cầu Mang Cá 1 đến Công Vũ Đảo”.

2. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Điều 13 Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND như sau:

“Đối với đất ở tại các đường hẻm đầu nối vào các tuyến đường có tại Phụ lục 1 nhưng chưa được quy định giá đất trong Phụ lục 1, kể cả các hẻm của hẻm mà hẻm chính đầu nối vào các tuyến đường đã có quy định giá trong Phụ lục 1, giá đất được tính theo giá các thửa đất ở giáp với các tuyến đường mà hẻm đó đầu nối nhân với hệ số sau:”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP.Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- UBMTTQ, các Đoàn thể tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Báo ST, Đài PTTH tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Phòng TN&MT các huyện, TX, TP;
- Chi cục Thuế các huyện, TX, TP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: HC, KT, TH, VX, XD, NC./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thành Trí